

PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Đơn vị đảm nhận : Khoa Công nghệ Thông tin

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Giáo viên 2	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
											Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3TN134DH	3	Cấu trúc dữ liệu (123)_01	12	0	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh		14/08-26/11/23	15			1,2,3	A2.307 (TA4)									DHKTMCCK16A1	DHCQ16
2	3TN102DH	2	Cơ sở dữ liệu (123)_01	65	0	LT	Phạm Thị Đào		14/08-26/11/23	15							1,2	A3. 302					DHCTTCK17A1	DHCQ17
3	3TN102DH	2	Cơ sở dữ liệu (123)_02	63	0	LT	Trần Thị Gia		14/08-26/11/23	15					10,11	A3. 302							DHCTTCK17A2	DHCQ17
4	3TN205DH	1	Đồ án phát triển ứng dụng Web (123)_01_DA_107	37	0	DA			14/08-26/11/23	15	6												DHCTTCK16A2	DHCQ16
5	3TN205DH	1	Đồ án phát triển ứng dụng Web (123)_02_DA	40	0	DA			14/08-26/11/23	15	12												DHCTTCK16A1	DHCQ16
6	4TN205CD	2	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server (123)_01_TH	33	0	TH	Phạm Thị Đào		25/09-15/10/23	3	8,9,10,11	A3.304											DHCTTCK17A1	DHCQ17
							Phạm Thị Đào						8,9,10,11	A3.304										DHCQ17
							Phạm Thị Đào								8,9,10,11	A3.304								DHCQ17
							Phạm Thị Đào										8,9,10,11	A3.304						DHCQ17
							Phạm Thị Đào												8,9,10,11	A3.304				DHCQ17
7	4TN205CD	2	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server (123)_02_TH	33	0	TH	Nguyễn Thị Phương Thủy		06/11-26/11/23	3	8,9,10,11	A3.304											DHCTTCK17A1	DHCQ17
							Nguyễn Thị Phương Thủy						8,9,10,11	A3.304										DHCQ17
							Phạm Thị Đào								8,9,10,11	A3.304								DHCQ17
							Nguyễn Thị Phương Thủy										8,9,10,11	A3.304						DHCQ17
							Nguyễn Thị Phương Thủy												8,9,10,11	A3.304				DHCQ17
8	4TN205CD	2	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server (123)_03_TH	33	0	TH	Phạm Thị Đào		25/09-15/10/23	3	1,2,3,4	A3.304											DHCTTCK17A2	DHCQ17
							Phạm Thị Đào						1,2,3,4	A3.304										DHCQ17
							Phạm Thị Đào								1,2,3,4	A3.304								DHCQ17
							Nguyễn Thị Phương Thủy										1,2,3,4	A3.304						DHCQ17
							Phạm Thị Đào												1,2,3,4	A3.304				DHCQ17
9	4TN205CD	2	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server (123)_04_TH	33	0	TH			06/11-26/11/23	3	1,2,3,4	A3.304											DHCTTCK17A2	DHCQ17
													1,2,3,4											DHCQ17
							Nguyễn Thị Phương Thủy								1,2,3,4	A3.304								DHCQ17
							Nguyễn Thị Phương Thủy										1,2,3,4	A3.304						DHCQ17
							Nguyễn Thị Phương Thủy												1,2,3,4	A3.304				DHCQ17
10	3TN231DH	2	Kỹ thuật mạng (123)_01_TH	15	0	TH	Lê Văn Vinh		16/10-05/11/23	3	8,9,10,11	A4.307											DHKTMCCK16A1	DHCQ16
							Lê Văn Vinh						8,9,10,11	A4.307										DHCQ16
							Lê Văn Vinh								8,9,10,11	A4.307								DHCQ16
							Lê Văn Vinh										8,9,10,11	A4.307						DHCQ16
							Lê Văn Vinh												8,9,10,11	A4.307				DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Giáo viên 2	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa			
											Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học					
11	4TN120DH	2	Lập trình nâng cao (123)_01	65	0	LT	Võ Thị Kim Hoa		14/08-26/11/23	15			3,4	A3. 302									DHCTTCK17A1	DHCQ17			
12	4TN120DH	2	Lập trình nâng cao (123)_02	63	0	LT	Võ Thị Kim Hoa		14/08-26/11/23	15	9,10	A3. 302											DHCTTCK17A2	DHCQ17			
13	2TN033DH	2	Lập trình Song song (123)_01_135	37	0	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh		14/08-26/11/23	15								1,2	A3.301				DHCTTCK16A2	DHCQ16			
14	2TN033DH	2	Lập trình Song song (123)_02	40	0	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh		14/08-26/11/23	15							9,10	A3.301					DHCTTCK16A1	DHCQ16			
15	3TN230DH	2	Lập trình ứng dụng Web (123)_01_TH	15	0	TH	Phạm Thị Đào		04/09-24/09/23	3	8,9,10,11	A3.402											DHKTMCK16A1	DHCQ16			
							Phạm Thị Đào						8,9,10,11	A3.402										DHCQ16			
							Phạm Thị Đào								8,9,10,11	A3.402								DHCQ16			
							Phạm Thị Đào								8,9,10,11	A3.402								DHCQ16			
							Phạm Thị Đào										8,9,10,11	A3.402							DHCQ16		
16	4TN105DH	2	Lập trình Windows (123)_01	65	0	LT	Phạm T.Thanh Bình		14/08-26/11/23	15								1,2	A3. 302				DHCTTCK17A1	DHCQ17			
17	4TN105DH	2	Lập trình Windows (123)_02	63	0	LT	Phạm T.Thanh Bình		14/08-26/11/23	15	7,8	A3. 302											DHCTTCK17A2	DHCQ17			
18	2TN010DC	2	Mạng máy tính (123)_01	12	0	LT	Nguyễn Quốc Khánh		14/08-26/11/23	15					1,2	A2.307(TA4)							DHKT MCK16A1	DHCQ16			
19	3TN105CD	2	Phân tích thiết kế hệ thống với UML (123)_01	65	0	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy		14/08-26/11/23	15			1,2	A3. 302									DHCTTCK17A1	DHCQ17			
20	3TN105CD	2	Phân tích thiết kế hệ thống với UML (123)_02	63	0	LT	Nguyễn Thị Lan Anh		14/08-26/11/23	15			7,8	A3. 302									DHCTTCK17A2	DHCQ17			
21	3TN112DH	3	Phát triển phần mềm mã nguồn mở (123)_01_1AC	37	0	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy		14/08-26/11/23	15	1,2,3	A3.301											DHCTTCK16A2	DHCQ16			
22	3TN112DH	3	Phát triển phần mềm mã nguồn mở (123)_02	40	0	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy		14/08-26/11/23	15					7,8,9	A3.301							DHCTTCK16A1	DHCQ16			
23	3TN204CD	3	Phát triển ứng dụng di động (123)_01_TH_1F3	40	0	TH	Võ Thị Kim Hoa		16/10-12/11/23	4			8,9,10,11	A3.306									DHCTTCK16A2	DHCQ16			
							Võ Thị Kim Hoa						8,9,10,11	A3.306										DHCQ16			
							Võ Thị Kim Hoa								8,9,10,11	A3.306									DHCQ16		
							Võ Thị Kim Hoa										8,9,10,11	A3.306							DHCQ16		
							Võ Thị Kim Hoa												8,9,10,11	A3.306					DHCQ16		
							Võ Thị Kim Hoa		13/11-19/11/23	1			8,9,10,11	A3.306												DHCQ16	
							Võ Thị Kim Hoa							8,9	A3.306										DHCQ16		
							Võ Thị Kim Hoa												8,9,10,11	A3.306					DHCQ16		
24	3TN204CD	3	Phát triển ứng dụng di động (123)_02_TH	40	0	TH	Trần Bình Giang		16/10-12/11/23	4	1,2,3,4	A3.306											DHCTTCK16A1	DHCQ16			
							Trần Bình Giang						1,2,3,4	A3.306												DHCQ16	
															1,2,3,4	A3.306										DHCQ16	
							Trần Bình Giang										1,2,3,4	A3.306								DHCQ16	
							Trần Bình Giang												1,2,3,4	A3.306						DHCQ16	
							Trần Bình Giang		13/11-19/11/23	1	1,2,3,4	A3.306															DHCQ16
							Trần Bình Giang						1,2,3,4	A3.306												DHCQ16	
							Trần Bình Giang								1,2	A3.306											DHCQ16
25	3TN138DH	2	Phát triển ứng dụng IOT (123)_01	22	0	LT	Lê VănBiên		14/08-26/11/23	15	3,4	A2.407 (TA5)										Onep. DHDTVCK16A1	DHCQ16				

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Giáo viên 2	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
											Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
26	4TN203DC	4	Phát triển ứng dụng Web 1 (123)_01_TH	33	0	TH	Nguyễn Quốc Khánh		14/08-24/09/23	6	8,9,10,11	A3.304											DHCTTCK17A1	DHCQ17
							Nguyễn Quốc Khánh						8,9,10,11	A3.304										DHCQ17
							Nguyễn Quốc Khánh								8,9,10,11	A3.304								DHCQ17
							Nguyễn Quốc Khánh										8,9,10,11	A3.304						DHCQ17
							Nguyễn Quốc Khánh												8,9,10,11	A3.304				DHCQ17
27	4TN203DC	4	Phát triển ứng dụng Web 1 (123)_02_TH	33	0	TH	Nguyễn Thị Lan Anh		16/10-26/11/23	6	8,9,10,11	A3.504											DHCTTCK17A1	DHCQ17
													8,9,10,11	A3.504										DHCQ17
							Nguyễn Thị Lan Anh								8,9,10,11	A3.504								DHCQ17
							Nguyễn Thị Lan Anh										8,9,10,11	A3.504						DHCQ17
							Nguyễn Thị Lan Anh												8,9,10,11	A3.504				DHCQ17
28	4TN203DC	4	Phát triển ứng dụng Web 1 (123)_03_TH	33	0	TH	Phạm T.Thanh Bình		14/08-24/09/23	6	1,2,3,4	A3.304											DHCTTCK17A2	DHCQ17
							Phạm T.Thanh Bình						1,2,3,4	A3.304										DHCQ17
							Phạm T.Thanh Bình								1,2,3,4	A3.304								DHCQ17
							Phạm T.Thanh Bình										1,2,3,4	A3.304						DHCQ17
							Phạm T.Thanh Bình														1,2,3,4	A3.304		DHCQ17
29	4TN203DC	4	Phát triển ứng dụng Web 1 (123)_04_TH	33	0	TH	Phạm Thị Đào		16/10-26/11/23	6	1,2,3,4	A3.504											DHCTTCK17A2	DHCQ17
							Phạm T.Thanh Bình						1,2,3,4	A3.504										DHCQ17
							Phạm Thị Đào								1,2,3,4	A3.504								DHCQ17
																	1,2,3,4	A3.504						DHCQ17
							Phạm Thị Đào												1,2,3,4	A3.504				DHCQ17
30	3TN209CD	4	Phát triển ứng dụng Windows (123)_01_TH_115	40	0	TH	Phạm T.Thanh Bình		04/09-15/10/23	6			8,9,10,11	A3.504									DHCTTCK16A2	DHCQ16
							Phạm T.Thanh Bình								8,9,10,11	A3.504								DHCQ16
							Phạm T.Thanh Bình										8,9,10,11	A3.504						DHCQ16
							Phạm T.Thanh Bình												8,9,10,11	A3.504				DHCQ16
							Phạm T.Thanh Bình														8,9,10,11	A3.504		DHCQ16
31	3TN209CD	4	Phát triển ứng dụng Windows (123)_02_TH	40	0	TH	Nguyễn Thị Lan Anh		04/09-15/10/23	6	1,2,3,4	A3.504											DHCTTCK16A1	DHCQ16
							Nguyễn Thị Lan Anh						1,2,3,4	A3.504										DHCQ16
							Nguyễn Thị Lan Anh								1,2,3,4	A3.504								DHCQ16
							Nguyễn Thị Lan Anh										1,2,3,4	A3.504						DHCQ16
							Nguyễn Thị Lan Anh												1,2,3,4	A3.504				DHCQ16
											8,9,10,11	TTTN (CNTT)												DHCQ15
											1,2,3,4	TTTN (CNTT)												DHCQ15
													8,9,10,11	TTTN (CNTT)										DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Giáo viên 2	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
											Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
32	4TN207DH	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp (123)_01_TH_1AA	90	0	TH			21/08-29/10/23	10			1,2,3,4	TTTN (CNTT)									DHCTTCK15A2	DHCQ15
															1,2,3,4	TTTN (CNTT)								DHCQ15
															8,9,10,11	TTTN (CNTT)								DHCQ15
																	1,2,3,4	TTTN (CNTT)						DHCQ15
																	8,9,10,11	TTTN (CNTT)						DHCQ15
																			8,9,10,11	TTTN (CNTT)				DHCQ15
																			1,2,3,4	TTTN (CNTT)				DHCQ15
																								DHCQ15
33	4TN208DH	10	Thực tập tốt nghiệp (123)_01_TH_192	90	0	TH			30/10-07/01/24	10	8,9,10,11	TTTN (CNTT)											DHCTTCK15A2	DHCQ15
											1,2,3,4	TTTN (CNTT)												DHCQ15
													8,9,10,11	TTTN (CNTT)										DHCQ15
													1,2,3,4	TTTN (CNTT)										DHCQ15
															1,2,3,4	TTTN (CNTT)								DHCQ15
															8,9,10,11	TTTN (CNTT)								DHCQ15
																	1,2,3,4	TTTN (CNTT)						DHCQ15
																	8,9,10,11	TTTN (CNTT)						DHCQ15
																			8,9,10,11	TTTN (CNTT)				DHCQ15
																					1,2,3,4	TTTN (CNTT)		DHCQ15
																								DHCQ15
																								DHCQ15
34	4TN210DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp (123)_2	10	0	LT			14/08-26/11/23	15							6							DHCQ15
35	3TN002DH	2	Toán rời rạc (123)_01	65	0	LT			14/08-26/11/23	15									3,4	A3. 302			DHCTTCK17A1	DHCQ17
36	3TN002DH	2	Toán rời rạc (123)_01_119	37	0	LT	Trần Thị Gia		14/08-26/11/23	15							3,4	A3.301					DHCTTCK16A2	DHCQ16
37	3TN002DH	2	Toán rời rạc (123)_02	40	0	LT	Trần Thị Gia		14/08-26/11/23	15							7,8	A3.301					DHCTTCK16A1	DHCQ16
38	3TN002DH	2	Toán rời rạc (123)_03	63	0	LT	Trần Thị Gia		14/08-26/11/23	15			9,10	A3. 302									DHCTTCK17A2	DHCQ17
39	3TN137DH	2	Xử lý ảnh số (123)_01	12	0	LT	Trần Bình Giang		14/08-26/11/23	15					3,4	A2.307 (TA4)							DHKT MCK16A1	DHCQ16

Nghệ An, ngày 20 tháng 6 năm 2023

Trưởng khoa



Hồ Ngọc Vinh